TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11-3-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hồng Kiệt.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa***: Ông Lê Công Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11-3-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nông Thúy Hạnh T, sinh năm 1997.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời trình bày của chị Nông Thúy Hạnh T: Vào năm 2018, chị T và anh P tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã

Tân Hộ Cơ. Trong quan hệ hôn nhân có 01 con tên là Nguyễn Ngọc Xuân Kiều, sinh ngày 08-9-2018 (hiện cháu Kiều đang sống chung với chị T).

Từ ngày sống chung với nhau thì có hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và anh P thường xuyên đánh đập chị T, vợ chồng đã ly thân từ ngày 13 tháng 10 năm 2019 cho đến nay (chị T về gia đình cha mẹ ruột tại tỉnh Gia Lai sinh sống). Nhận thấy tình cảm đã bị rạn nứt không thể hàn gắn lại được có sống chung cũng không còn hạnh phúc.

Vì vậy, nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: chị Nông Thúy Hạnh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

- Về con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Ngọc Xuân Kiều, sinh ngày 08-9-2018, theo đơn khởi kiện và tại buổi hòa giải chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Vì cho rằng, từ khi ly thân cho đến nay chị T cùng cháu Xuân Kiều về gia đình cha mẹ ruột sinh sống anh P không đến hàn gắn tình cảm vợ chồng đã đành, đằng này cũng không đến thăm con và cấp dưỡng cho con, hiện nay cháu Xuân Kiều sống chung với chị T vẫn phát triển bình thường và chị T đang là công nhân của Công ty tại tỉnh Bình Dương thu nhập ổn định hàng tháng 9.500.000đồng – 10.000.000đồng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời trình bày của anh Nguyễn Xuân P: thống nhất theo lời trình bày của chị T, vào năm 2018 anh P và chị T sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hộ Cơ và có 01 con tên là Nguyễn Ngọc Xuân Kiều, sinh ngày 08-9-2018 (hiện cháu Kiều đang sống chung với chị T).

Tại buổi hòa giải ngày 13-01-2021, anh P cho rằng còn thương vợ, thương con nên không thống nhất ly hôn với chị T nhưng vào ngày 18-01-2021 và tại phiên tòa sơ thẩm anh P thay đổi ý kiến, cụ thể qua yêu cầu ly hôn của chị T nay anh P thống nhất ly hôn.

- Về con chung: anh P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con. Anh P thừa nhận như chị T trình bày nhưng cho rằng không đến thăm con được là do hoàn cảnh nhà xa và phía gia đình chị T không cho đến thăm con (chỉ điện thoại không đến trực tiếp), nay anh P là con trai thứ hai trong gia đình, cùng gia đình nuôi vịt đẻ lấy trứng và làm nông nghiệp được khoảng 20 công nên thu nhập hàng tháng khoảng 36.000.000đồng của cả gia đình (gồm: cha mẹ anh P, anh P và em ruột anh P), nhưng tại phiên

tòa sơ thẩm anh P khai hiện nay đang đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương hàng tháng thu nhập khoảng 8.000.000đồng đến 9.000.000đồng còn gia đình không nuôi vịt nữa vì dịch bệnh Covid-19. Do đó đủ khả năng về kinh tế để yêu cầu được nuôi con chung. Còn nếu Tòa giải quyết cho chị T nuôi con thì anh P không thống nhất cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh P.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: đề nghị chấp nhận theo yêu cầu của chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2018, chị T và anh P tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhận thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm chị T và anh P tự nguyện thống nhất ly hôn.

Nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị T và anh P là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị T và anh P có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Xuân Kiều, sinh ngày 08-9-2018 (hiện cháu Xuân Kiều đang sống chung với chị T).

Qua các tài liệu, chứng cứ và tại phiên Tòa sơ thẩm chị T, anh P trình bày, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Xuân Kiều đang khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị T đã trực tiếp nuôi con từ khi ly thân vào ngày 13-10-2019 cho đến nay và tính đến ngày 11-3-2021 thì cháu Xuân Kiều mới được 30 tháng 02 ngày đồng thời điều kiện nuôi con của chị T ổn định. Do đó, để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho con chung nên giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Xuân Kiều, sinh ngày 08-9-2018 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh P được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: chị T yêu cầu cấp dưỡng với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu, chứng cứ mà anh P cung cấp và anh P thừa nhận thu nhập hàng tháng 8.000.000đồng – 9.000.000đồng, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T với mức cấp dưỡng nuôi con chung bằng ½ mức lương cơ sở là phù hợp theo quy định các điều 107, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh P phải chịu 300.000đồng tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các điều 9, 55, 81, 82, 83, 107, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 và 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1] Về hôn nhân: chị Nông Thúy Hạnh T và anh Nguyễn Xuân P thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: chị Nông Thúy Hạnh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Ngọc Xuân Kiều, sinh ngày 08-9-2018 (hiện cháu Kiều đang sống chung với chị T). Anh Nguyễn Xuân P được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: buộc anh Nguyễn Xuân P nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên là Nguyễn Ngọc Xuân Kiều, sinh ngày 08-9-2018 với mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương cơ sở/tháng kể từ ngày 11-3-2021 cho đến khi cháu Xuân Kiều đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

[3] Về tài sản chung: chị T và anh P tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: chị Nông Thúy Hạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BI/2019/ 0009454 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Xuân P phải chịu 300.000đồng tiền án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11-3-2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cư